

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 176/SNN-KHTCTTN
V/v xây dựng Kế hoạch phát triển
sản xuất nông nghiệp và xây dựng
nông thôn mới năm 2025

Hưng Yên, ngày 09 tháng 7 năm 2024

Kính gửi:

- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở.

Thực hiện Công văn số 1630/UBND-TH ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Phòng NN-PTNT (Kinh tế) các huyện, thị xã, thành phố; yêu cầu các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2025 với những nội dung cơ bản sau:

- Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm 2024, đề nghị các huyện, thị xã, thành phố đánh giá và ước tính tình hình thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp xây dựng nông thôn cả năm 2024 của địa phương, đơn vị, bao gồm: các kết quả đạt được, tồn tại, khó khăn; phân tích nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, các kết quả ước thực hiện trong năm 2024 so với chỉ tiêu kế hoạch giao năm 2024 theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh.

- Căn cứ đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới nêu trên; trên cơ sở kết quả đạt được, căn cứ các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển 5 năm 2021-2025 của ngành, của địa phương, đơn vị và yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; dự báo tình hình kinh tế trong thời gian tới; các địa phương, đơn vị xác định mục tiêu, nhiệm vụ, các chỉ tiêu phát triển và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2025.

Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo; yêu cầu Phòng Nông nghiệp và PTNT (Kinh tế) tham mưu, báo cáo UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở khẩn trương xây dựng kế

hoạch năm 2024 theo yêu cầu nội dung nêu trên và các biểu mẫu gửi kèm, gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT (Phòng KH-TC-TTNN) trước ngày **15/7/2024** để kịp tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT theo quy định; bản mềm gửi về Sở qua địa chỉ hòm thư điện tử Phongkth2008@gmail.com. Thông tin chi tiết xin liên hệ số điện thoại 02213.864.520.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐ Sở;
- P. NN-PTNT (Kinh tế) các huyện, thị xã, thành phố;
- P.KH-TC-TTNN;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Đỗ Minh Tuân

UBND HUYỆN (TX, TP).....

KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số /SNN-KHTCTNN ngày tháng năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024			Kế hoạch năm 2025	So sánh	
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm		U'TH 2024/2023	KH 2025/U'TH 2024
	Giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản theo giá cố định								
	Nông nghiệp	Tr.đồng							
	trong đó: - Trồng trọt	Tr.đồng							
	- Chăn nuôi	Tr.đồng							
	- Dịch vụ	Tr.đồng							
	Lâm Nghiệp	Tr.đồng							
	Thủy sản	Tr.đồng							
I	TRỒNG TRỌT								
1	Tổng diện tích trồng cây hàng năm	ha							
	Trong đó: Cây vụ đông	ha							
2	Tổng sản lượng lương thực	tấn							
	Trong đó: - Thóc	tấn							
	- Ngô	tấn							
3	Diện tích cây lương thực có hạt								
	cả năm	ha							
	Năng suất	tạ/ha							
	Sản lượng	tấn							
	Trong đó: DT lúa chất lượng cao	ha							
3.1	Lúa đông xuân	ha							
	Năng suất	tạ/ha							
	Sản lượng	tấn							
	Trong đó: DT lúa chất lượng cao	ha							
3.2	Lúa mùa	ha							
	Năng suất	tạ/ha							
	Sản lượng	tấn							
	Trong đó: DT lúa chất lượng cao	ha							
3.3	Ngô cả năm	ha							
	Năng suất	tạ/ha							
	Sản lượng	tấn							
	Trong đó: Ngô đông	ha							
4	Diện tích cây có bột								
	Khoai lang cả năm	ha							
	Năng suất	tạ/ha							
	Sản lượng	tấn							
	Cây có bột khác	ha							
5	Diện tích cây thực phẩm								
+	Rau các loại	ha							
	Năng suất	tạ/ha							
	Sản lượng	tấn							
+	Cải các loại	ha							
	Năng suất	tạ/ha							
	Sản lượng	tấn							
	Khoai tây	ha							
	Năng suất	tạ/ha							
	Sản lượng	tấn							
+	Cà Chua	ha							
	Năng suất	tạ/ha							
	Sản lượng	tấn							
	Loại rau khác	ha							
	Đậu các loại	ha							

	Năng suất	tạ/ha							
	Sản lượng	tấn							
2	Diện tích cây công nghiệp								
	Bạc cả năm	ha							
	Năng suất	tạ/ha							
	Sản lượng	tấn							
	Đậu tương cả năm	ha							
	Năng suất	tạ/ha							
	Sản lượng	tấn							
	Cây công nghiệp khác	ha							
	Diện tích cây hàng năm khác								
	Cây dược liệu	ha							
	Diện tích vườn hoa cây cảnh	ha							
	Diện tích làm thức ăn gia súc	ha							
	Diện tích cây hàng năm khác	ha							
3	Diện tích cây dâu	ha							
4	Diện tích cây ăn quả	ha							
	Cây có múi Diện tích	ha							
	Sản lượng	tấn							
	Chuối Diện tích	ha							
	Sản lượng	tấn							
	Nhãn Diện tích	ha							
	Sản lượng	tấn							
	Vải Diện tích	ha							
	Sản lượng	tấn							
	Cây ăn quả khác	tấn							
10	Trồng cây nhân dân (trồng mới)								
	Cây lấy gỗ	1000 cây							
	Cây ăn quả	1000 cây							
11	Diện tích chuyển đổi								
12	Chuyển đổi nội ngành								
	Trong đó: Sang trồng trọt								
	Sang chăn nuôi								
	Sang thủy sản								
	Sang VAC								
	Chuyển đổi sang công nghiệp								
	Chuyển đổi sang giao thông								
	Chuyển đổi khác								
II	CHĂN NUÔI								
1	Đàn trâu nghé	con							
2	Tổng đàn bò bê	con							
	Trong đó: Bò lai	con							
	Bò sữa	con							
3	Tổng đàn lợn (trừ lợn sữa)	con							
	Trong đó: Lợn nái	con							
	Lợn thịt	con							
4	Tổng đàn gia cầm	1000 con							
5	Sản phẩm chăn nuôi								
	Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng	tấn							
	Sản lượng thịt trâu, bò xuất chuồng	tấn							
	Sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng	tấn							
	Sản lượng sữa tươi	tấn							
	Sản lượng trứng gia cầm	1000q							
III	NGÀNH THỦY SẢN								
1	Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha							
2	Tổng sản lượng thủy sản	tấn							

ƯỠI LẬP

PHÒNG.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN